

SẮC TU BÁCH TRƯỞNG THANH QUY**QUYỂN 8****CHƯƠNG CHÍN: PHÁP KHÍ**

Đời thượng cổ có hóa mà không có giáo, hóa không đủ mà lẽ lạc làm gì? Việc ca kích nhuông, không bằng tấu cửu thành, việc uống oa gôn không bằng thưởng thức rượu mờ tối biếng nhác. Nhưng văn sanh ở chất quý ở gốc. Bậc Thánh ở Thiên-trúc đầu tiên khai thị giáo hóa, cho rằng tánh diệu giác nơi mỗi người vốn không có phàm Thánh, vật toàn chân đâu có tịnh uế. Không nhờ tu chứng, cũng không dính dáng tới công dụng. Nhưng kẻ mê mờ hoang mang tự đánh mất, như người đi lạc đường. Thế rồi Ngài tùy cơ lập ra giáo pháp đánh Kiền-chùy, để nhóm hội chúng giảng nói Ba Tạng. Tụ tập thiền định cho đến bốn mươi chín năm hóa nghi mới hết. Chử kiền chùy là tiếng Phạm, là tất cả những vật phát ra âm thanh như ngói, gỗ, đồng, sắt. Như chuông, khánh, linh trống, chùy bản, loa bội. Chốn rừng lâm đến nay vẫn bắt chước theo chế ấy mà ứng dụng, để cảnh tỉnh người mờ tối biếng nhác. Thành kính dẫn dắt chốn u trệ để hòa cùng thân nhân. Còn như đại định thường ứng đại dụng thường tịch, nghe chẳng hề nghe, giác cũng chẳng giác, để khảo để kích phát huyền phong thổi nát, không tư lự, không tạo tác, giáo hóa ngày càng vững chắc. Ung dung nơi cõi nhân thọ, là đò thành thanh thoát.

Chuông

Chuông lớn trong rừng lâm là hiệu lệnh giúp bắt đầu. Sáng sớm đánh chuông thì phá tan đêm dài, cảnh tỉnh sự ngủ mê. Tối đánh chuông thì thức tỉnh sự mịt mờ, tầm tối. Gióng phải khoan thai thì âm thanh mới du dương (ngâm dài). Gồm ba hồi, mỗi hồi có ba mươi sáu tiếng, tổng cộng một trăm lẻ tám tiếng, khi bắt đầu ngưng thì ba tiếng hơi tiếng, Hành giả hô chuông phải tưởng niệm kệ rằng:

Nguyện tiếng chuông này khắp pháp giới

Thiết vì tâm tối thấy đều nghe

Văn trần thanh tịnh, chứng viên thông

Hết thầy chúng sinh thành Chánh giác.

Vấn xưng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù niệm dù giống thì lợi ích rất lớn.

Gặp ngày vía xem kinh, lên chánh điện xuống chánh điện. Ba tám niệm tụng Phật Đản, thành Đạo, Niết-bàn. Kiến lớp, giải tán hội Lăng nghiêm, tụng linh, trai phạn, quá đường do người định thời, mỗi thời mười tám tiếng. Còn nếu tiếp rước quan chức bậc Trụ trì tôn túc, thì không nhất định số hạn, việc này do Khố Ty phụ trách. Chuông Tăng đường hễ nhóm chúng thì đánh, gặp lúc trụ trì quang lâm Tăng phòng thì hộ bảy tiếng. Lúc cơm cháo xong xuống phòng, lúc xả tham. Buổi chiều đi tuần phòng uống trà, xuống đơn mỗi việc đều giống ba tiếng. Có khi trụ trì không vào thiền đường, hoặc nghỉ ngơi thì không đánh, niệm Phật một tiếng lúc trước thiền đường tụng niệm. Hò nhẹ một tiếng, cuối cùng giống một tiếng. Việc này do Đương ty phụ trách. Chuông trên Chánh điện giống bảy tiếng lúc trụ trì đi nhiễu hương vào buổi sáng chiều. Hễ nhóm chúng trên chánh điện thì phải phối hợp với chuông ở thiền đường đánh với nhau. Việc này do Tri điện đảm trách.

Cảm Thông Truyện chép: Lúc Phật Câu-lưu-tôn trụ viện Tu-đa-la ở Thiên-trúc có tạo một quả chuông đá xanh. Khi mặt trời mọc thì các vị hóa Phật xuất hiện theo ánh mặt trời, thậm chí nói mười hai bộ kinh. Người nghe pháp chứng Thánh nhiều không thể tính kể.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Như lúc đóng chuông tất cả các khổ trong đường ác đều dừng.

Lại Kim Lăng chí nói: Có một người dân chết giấc xuống âm ty, thấy có người cột người ở củi gỗ, bảo rằng ta là Tiên chủ của Nam đường, vào đời Tống Tề có giết nhầm một kẻ ở châu Hòa mà đến nỗi này. Mỗi khi nghe tiếng chuông thì khổ của ta tạm ngưng. Nhờ ông về báo lại với đức vua kế vị hãy đúc chuông cầu nguyện cho ta. Người dân trở về tâu đủ việc ấy với vua sau. Nhân đó mà vua cho đúc quả chuông ở chùa Thanh Lương, khắc rằng: Tiên liệt tổ hiếu cao hoàng Đế thoát u đồ, ra khỏi nguy ách.

Bản: Bản lớn dùng để gõ ba hồi dài và hai thời ăn cháo sáng và quá đường trưa, sau khi gõ vào bảng ba tiếng nhập hai tiếng. Đó gọi là trường bản, niệm tụng Lăng-nghiêm, răn nhắc đèn thuốc mỗi thứ đánh ba hồi. Báo canh thì tùy theo thứ lớp canh mà đánh. Phương trượng, Khố ty, Thủ tọa liêu và cái liêu đều có treo một cái bản nhỏ. Giờ chỉ tịnh đánh một hồi dài. Lúc thức gõ ba tiếng, trong ngoài liêu chúng đều có bản. Bản ở bên ngoài mỗi ngày lúc đại chúng nhóm họp thăm hỏi thì

đánh ba tiếng. Lúc Ngồi thiền, ngồi tham đều đánh ba tiếng. Đợi chúng trở về Tăng đường thì lần lượt đánh. Lúc châm trà thì đánh một hồi dài. Bể bên trong khi chúng về liêu phòng thì đánh ba hồi. Lúc đem trà đổ ra chén thì đánh hai hồi, dọn chén trà thì đánh một tiếng. Khi xuống tòa đánh ba hồi. Khi ngồi xuống trà đánh một hồi dài.

Mỗ: Hai thời cơm cháo đánh hai hồi dài, phổ thỉnh chúng Tăng đánh một hồi dài, phổ thỉnh hành giả hai hồi.

Tương truyền rằng: Con cá đêm ngày thường tỉnh, nên khắc hình tượng cá vào gỗ để đánh, là vì thức tỉnh sự mê muội.

Chùy: Hai thời cơm cháo mở bát trong Tăng đường. Niệm Phật xướng thực biến thực, thí tỳ bạch chúng đều ho, việc này do duy-na đảm trách. Lúc xuống khỏi trai đường do thị giả của Thánh Tăng ho, Tri sự lúc báo lui, lúc thỉnh Tri sự cũng hô. Khi trụ trì vào viện khai đường sắp nói pháp. Bậc Thượng thủ ở các núi hô, gọi là Bạch chùy. Một hôm, đức Thế tôn thăng tòa đại chúng nhóm tập ổn định, Văn-thù bạch kiền-chùy rằng: Lắng nghe, pháp của Pháp vương, pháp của Pháp vương như vậy, Thế tôn bèn xuống tòa.

Khánh: Lúc ở đại điện thì sớm chiều Trụ trì, Tri sự hành hương. Lúc đại chúng xem kinh, tụng kinh trì chú, thì ở ngang trên chánh điện mà đánh, xướng theo lời khoá lễ. Việc này do Duy-na đảm trách. Lúc hành giả phủ tóc thì do tác phạm xà-lê đánh, cây khánh cầm tay nhỏ lúc hành giả đi đâu thường mang theo, gặp chúng Tăng tụng kinh thì đánh. Là phép tắc khởi dừng.

Nạo bạt: Duy-na tiếp đãi Trụ trì, lưỡng tự lúc xuất ban dâng hương. Lúc ở chánh điện chúc tán chuyển luân thì hành giả đánh, gặp lúc đưa tiễn người mất, hành giả cạo tóc, đại chúng hành đạo, lúc tiếp đãi Tân trụ vào viện đều hô.

Trống: Trống Pháp hễ khi Trụ trì thượng đường, tiểu tham, phổ thuyết, nhập thất đều đánh, phương pháp đánh trống lúc thượng đường là ba hồi. Trước tiên nhịp hai tiếng nhẹ rồi mới đánh mạnh tay một hồi dài khoan thai khiến cho tiếng trống khấn hoàn luyến nhau, nặng nhẹ tương ứng nhau. Âm thanh du dương, như tiếng sấm mùa xuân. Hồi thứ hai kéo tay trống dài rồi lơ lửng ra chuyển hồi thứ hai, lúc hồi trống dài ra không để ngắt tiếng bèn chuyển qua hồi thứ ba. Một mặt chuyển liên tục đến khi trụ trì thăng tòa mới dứt trống. Hai dùi đánh liên tục ba hồi.

Lúc tiểu tham đánh một hồi phổ thuyết năm tiếng, vào thất ba tiếng, đều phải đánh chậm chậm. Tống trà đánh một hồi dài do thị ty

đảm trách. Trống ăn quá đường ba hồi. Còn lúc thượng đường chỉ nhấp vài cái hơi gấp mà thôi. Trống phổ thỉnh đánh một hồi dài, trống chuyển canh sáng tối đều đánh ba hồi bình thường. Còn những canh khác tùy theo thứ lớp mà đánh. Do Khố Ty đảm trách, đánh trống bốn hồi lần lượt đợi chúng mà đánh, do Tri dục đảm trách. Các pháp trên phải theo thường lệ mà làm, đừng để mất pháp độ. Nếu Trụ trì mới vào viện thì các pháp khí đều đánh lên một loạt. Kinh Kim Quang Minh chép: Bồ-tát tin tưởng đêm mộng thấy trống vàng dáng nó rất lớn, chiếu sáng rực rỡ, giống như ánh sáng mặt trời. Trong ánh sáng ấy, Ngài thấy Chư Phật mười phương ngồi tòa lưu ly dưới các cây báu. Nói pháp cho trăm ngàn quyến thuộc vây quanh các Ngài. Có một người giống như Bà-la-môn lấy chày giống trống phát ra âm thanh lớn. Âm thanh ấy là tiếng nói pháp, sám hối kệ tụng. Khi Bồ-tát giật mình tỉnh dậy đến chỗ Phật, thưa lại với Phật những điều ngài thấy trong mộng, như trống vàng và kệ sám hối.

Lại, Kinh Lăng-nghiêm chép: Này A-nan! Ông lại nghe trong vườn Kỳ-hoàn này thọ thực xong thì đánh trống, nhóm chúng thì đánh trống, âm thanh chuông trống lần lượt tấu lên liên tục. Ý ông nghĩ sao? Những điều này là do âm thanh vang đến bên tai, hay do tai đến chỗ âm thanh?

Hết chương Pháp Khí

BÀI MINH VÀ LỜI TỰA

Về Thiên sư Hoàn Hải ở núi Bách trượng xứ Hồng châu đời Đường.

Tướng sĩ Lang Thú Điền Trung Thị ngự sử Trần Tường soạn.

Thư tìn châu Ty hộ tham quân viên ngoại.

Trí đồng chánh Viên Vũ Đực hoàng chép.

Tinh sao giảng bùa, dáng núi sừng sững, tang môn thượng thủ là Thiên sư Hoàn Hải, thất ở đây, tháp ở đây. Môn đệ của ngài sợ núi lở hang sụp thời gian sẽ làm phai kỷ niệm. Nên nhờ các nhà nho khắc bia để ghi nhớ. Chánh giáo ở phương Tây truyền vào Trung quốc, dùng sáu độ của Ngài để xét năm thường của Trung quốc. Chuyển ác về thiện khác nẻo mà cùng mục đích. Chỉ có một tông thiên-na mà vượt qua sanh tử. Bậc đại trí tuệ mới đạt được pháp này. Từ Kê Túc đến Tào Khê đã ghi rõ rằng: Tào Khê truyền cho Hoài Hành Nhạc Quán Âm đài Hoài Nhượng. Hòa-thượng Quán Âm truyền cho Hòa-thượng Đạo Nhất ở Giang tây. Tịch truyền cho Đại sư. Việc truyền thừa ở Trung Quốc

trải qua chín đời. Đại sư Thái Nguyên họ vương, người ở truyện Trường Lạc, Phúc Châu Viễn Tổ vì vào niên hiệu Vĩnh Gia có loạn nên dời đến môn ngưng, đại sư vì nhân duyên lớn sanh ra thời tượng quý. Gá bào thai mà mùi tanh hôi tự mất. Lúc sắp sanh nhiều điềm thần dị xuất hiện, khi thành niên thì linh Thánh biểu hiện. Chẳng phải đã gieo trồng cội đức từ xưa thì đâu có được như vậy. Thế phát với Hòa-thượng Tuệ Chiếu ở Tây Sơn, đến lúc thọ giới cụ túc với Luật sư Pháp Triều ở Hành Sơn bèn than rằng: Muốn gột tẩy nguồn vọng phải vân du nơi biển pháp, dù duy tâm chứng cũng phải nhờ ngôn thuyết. Thế là ngài đến Lê giang xem đọc kinh tạng, nhiều năm không để mắt tới đỉnh vũ đã được Đại Tịch tâm đắc tâm ấn, lời lẽ sâu mầu phong thái điềm đạm thâm tú. Người thấy liền sanh lòng kính ngưỡng, luôn hạ thấp nhún nhường. Không gán gũ danh lợi nên trong văn bia của tiên sư đặc biệt nêu rõ đức hiệu, hòa mình với chúng cho nên ôn nhân bố lực phục vụ đồng với sự gian khổ của Ngài. Vì oán thân đều quên hết, vứt bỏ những thói quen cũ, hiền ngu tóm thâu nên truyền khắp cho người đến học. Thường lấy ba thân vô trụ, muôn hạnh đều không, tà chánh đều bỏ, nguồn dòng đều sạch. Dùng giáo chỉ này để làm khuôn phép cho người. Lời Phật nói đây là đốn môn, môn đồ của đại tịch rất nhiều bậc tài giỏi xuất chúng. Có vị tiếng tăm vang lừng, thấy cả linh kỳ. Có vị hóa đồ cả một phương, đều làm an định quận nước. Chỉ có Đại sư ưa chuộng nơi thanh vắng, ẩn cư chốn núi non, bỏ danh lợi mà đức hạnh cao hơn. Vân du một mình mà học đồ vô số. Ngài có tài nghiên cứu giảng dạy rất tuyệt về môn Thiên học. Dính mắc chưa dứt bỏ, không hữu còn ngăn ngại, chứa đựng tất cả muôn dặm giữ chắc một lời lưỡi nghi bửa giảng, gương trì dứt sạch. Từ đời Tề Lỗ yến, vùng Kinh Ngô Môn Thục ngưỡng vọng lúc về truyền nhau, đưa đến no đủ. Siêu nhiên huyền giả thời chính người này. Đại sư lúc đầu ở thạch môn, bên tháp đại tịch. Lúc đó nổi địa vị thầy, trùng tuyên thượng pháp, sau đó do chúng quy tập ý ở nơi xa xăm núi Bách trượng sừng sững mọc lên một vùng. Người, mây bốn dứt. Nếu muốn xây dựng phải đợi đàn na. Y Bồ Tát Du sướng cam trình thỉnh cúng nhà trên núi nguyện làm hương đạo, bao bọc xung quanh cúng thí vô số, chúng lại vượt vào sơn môn. Nhưng vì đất linh thiêng xa xăm mà chí thì có hạn. Vào ngày 17 tháng giêng niên hiệu Nguyên Hòa thứ chín chứng diệt trên giường thiền, thọ 66 tuổi hạ lạp 47 năm. Vào ngày 22 tháng tư năm ấy phụng di hài của sư về nhập tại Tây Phong. Theo văn luận Tỳ-bà-sa vâng đi chúc chúng cách cơn cát của Bà-la-môn tịnh hạnh, lúc đầu bạch quang cách thất kim tích minh không. Linh khê mới vào

xuân mà dòng đã cạn, đèn thông thấp trọn đêm để chiếu sáng. Diệu đức thâm cảm ở đâu không có. Môn nhân Pháp Chánh v.v... từng bầm phụng đều được điều nhu. Thay nhau phát huy không làm sai lời phó chúc, nhiều năm phát triển tự sẽ truyền khắp. Môn nhân kể lại nhớ hoài ân sư để khắc vào tháp miếu, dọn đất chất đá hết sức khổ nhọc. Môn nhân thần hành, phạm vãn kết tập lời mâu của thầy thành ngữ bản. Học giả đời nay ai không bước vào đây phụng thờ Pháp sư. Lúc đầu, luật sư Linh Ái ở Môn Việt, giáo tông một xuyên, ba học quy ngưỡng, có lần hỏi về Phật tánh có hay không. Đại sư dụng ngụ ngôn để giải thích. Nay cùng với ngữ lục ấy cùng lưu lại cho hậu học vang khắp phủ Giang Châu, họ nếm trọn pháp vị của Đại sư nên không nhượng số đồng. Văn ấy chép: Bạc đại hùng thiết lập giáo pháp có quyền có thật chưa đắc đốn môn đều là thất tối. Tổ sư dừng lại mới truyền bí mật, nếu kể kia nhiều hôn ám thì tạm bày (là một). Nhưng bậc Đại sĩ này mở rộng Chánh tông, tuy tu chiếu hạnh nhưng không trụ chân không. Không nhờ phương tiện, đâu đợi mài giũa. Điềm nhiên quay về cội muôn cảnh viên thông (là hai). Trăm nghìn người hết bệnh khổ, kia đều có đắc, ta thật không nói, tâm vốn bất sanh, hình đồng bày diệt, cội này tro tàn, phương kia trắng nước (là ba).

Pháp truyền người nối, tháp đóng sơn nguyên, sáp tùng dù tắt, chùa tháp vẫn còn học đồ đồng đúc ai cũng vào cửa. Chỉ có năng giác chiếu là báo ân thầy, vào ngày mồng ba tháng mười niên hiệu nguyên hòa thứ mười ba lập bia đại chúng đồng ghi năm việc, đến nay vẫn còn. Có thể làm tấm gương giới, đều chép bên trái, Đại sư đã thị tịch, nhưng chưa thỉnh Viện chủ, ngày càng đông, đề nghị cải cách sơn môn. Thời gian lâu mới quyết định và đặt năm điều.

1. Tháp viện thường thỉnh một đại Tăng và sai một sa đi quét dọn.
2. Trong địa giới không được có đài ni, tháp ni và người thế tục ở chung.
3. Phải có y chỉ và đồng hành xuất gia phải bảo chúng nương theo vị Viện chủ. Tàng chúng không được thọ lãnh riêng.
4. Ngoài đài và các nơi không bố trí trang viên ruộng vườn.
5. Đại chúng ở trên núi không được chứa riêng tiền tài trong ngoài. Muốn thanh lọc nguồn tâm thì phải lẩn nơi gốc. Thì kể hậu lai nối tiếp từng nguyện tôn sùng. Ngày dựng bia đại chúng đồng ghi Bách Thượng Sơn Đại Trí Thọ Thánh Thiên tự Thiên hạ sư biểu Các Ký. Đời thứ tám sau Bồ-đề Đạt ma có đại Tỳ-kheo ở núi Bách Trượng, người ta gọi là

Thiền sư Bách Trượng.

Nay thiền tử mới truyền mệnh vì thụy cũ là Đại Tri Giác Chiếu thêm vào hiệu Hoàng Tông Diệu Hạnh, tên chùa Thọ Thánh là gạch cũ. Núi cách quận trị 300 dặm, lúc ngài chưa cất chùa núi non hang hóc hiểm trở đường xá tắc nghẽn, vách núi cheo leo, ở đây có vị là Tư Mã đầu-đà, rất giỏi thuật xem địa hình, cất nhà cửa. Ông thấy thế núi cao ngút và từng dãy nối liền nhấp nhô uốn lượn, biết đây là vùng đất tốt, nên trong kiểm ký chép. Đó là nơi cho bậc Pháp vương ở, hoặc là thầy khuôn mẫu cho thiên hạ trụ. Khi Thiền sư đến đây chính là phù hợp với lời ông nói, Đức Huy ở Đông Dương là cháu đời thứ mười tám của Thiền sư kế vị trụ trì núi này, xây lại một giảng đường nói pháp mới. Còn xây thêm một căn thất lên trên để an trí di tượng của Thiền Sư treo tám biển trên gian phòng ấy là: Thiên hạ sư biểu chi các”

Khi văn Tông Hoàng Đế mới đăng quang, liền vào Tiềm Đế ở Kim lăng xây chùa, tên là Long Tường Tập khánh, Ban chiếu cho Đại Tổ là khai sơn hướng dẫn đồ chúng thực hiện Thanh quy mà Thiền sư đã chế để tiết chế từng oai nghi động tác hằng ngày. Nhưng sách ấy lưu hành ở đời đã lâu mà người sau quan niệm về nó đều cơ sự tổn ích, tự sanh mâu thuẫn, chứ không thể phán đoán rạch ròi, Huy cùng học một thầy với Tổ mà cũng hoàng pháp ở tổ đình rất sợ người sau truyền bá nghi ngờ chẳng biết đâu thích hợp mà theo. Không thể y cứ vào sự thấy nghe của nhiều người. Ngài bèn lên kinh đô xin chiếu dụ để chỉnh sửa lại. Nay ngự sử Đại phu Tán Địch chấp pháp, ở trung đại tâm trình ý của Ngài lên vua, vua cho diện kiến, có chỉ bảo rằng Đức Huy tuyển chọn những văn cũ để đưa cho Đại Tổ biên tập lại những lời sư dạy, rồi cùng khảo định mà ban hành làm phép tắc trong chốn tùng lâm.

Vẫn như Thiền sư Tích lấy hiệu như ngày nay, khen hiển mà phong cách nghiêm khắc, Đức Huy mang chiếu thư về nam. Khi các xây xong mà chưa kịp thấy những ký thuật, Niệm Vu phổ nói: xin thuật lại ngọn nguồn những gì ngài thiết lập, để trở về khắc vi, Phổ trộm nghe các Thánh hiền xưa nương thời chóng tri hoãn đáp đối qua lại không cùng, cho nên thông được sự biến ấy. Giáo pháp của Phật lấy giới luật làm đầu, nghĩa của các bộ đại tiểu thừa bày, xong các loại khai giảnh lấy một việc, cách Thánh càng xa phải hạn cuộc vào chuyên môn, danh mục càng nhiều, mặt trời đạo phải ẩn. Thế nên Đạt-ma không dung phương tiện mà chỉ thẳng nguồn tâm. Tướng luật rõ ràng không thể ngăn ngại. Đời dần lui về thời mật pháp, tà thắng mà chân thua. Rong ruổi theo trầm duyên thành suy nghĩ tà vọng. Thế nên Bách trượng

hoàng truyền khuôn phép để hành trì theo luật, ủng hộ nhiếp trì ở nơi sự mà đều là lý. Bởi vì đạo của Phật do Đạt ma hiển sáng. Sự của Phật do Bách Trượng mà đầy đủ, diệu thông biến tồn tại ở người này. Song, sự truyền thừa của Đại-ma chi thân năm phái mà đều xuất phát từ hai Thiên sư này. Thầy của Ngài khởi xướng những tông chỉ đặc thù. Tuy nổi vị thành lập gia phái nhưng đều an định đồ chúng, chưa ai không áp dụng pháp của Thiên sư, cho nên câu nói Thiên hạ Sư biểu là xứng đáng chứ không ngoa. Từ đó vua quan ở Trung quốc biết tôn trọng Phật pháp, chiếu sáng tông cực, chẳng gì hơn đây. Đức Huy sanh ra gặp thời có bậc Thánh, nhờ sức ủng hộ của vua nỗ lực phát huy lời thầy dạy, làm rạng rỡ tông phong, ngõ hầu sánh cùng với nhịp bước phát triển của đất nước mà thôi. Không chỉ làm sư biểu cho thiên hạ ở hôm nay mà tận đời vị lai cũng đều có chỗ nương tựa. Vu phổ cẩn thận ghi lại mà đối với công phu trong suốt quá trình ngài biên soạn chỉ tóm thâu những pháp yếu, có những điều không rành nói thì gồm có năm gian phòng. Cái cao nhất là 120 thước, một trong ba tông ấy đó là tu, ba cái tu ấy cho là rộng. Bắt đầu khởi công vào tháng sáu mùa hạ niêm hiệu Chí Thuận đầu tiên đến tháng mười mùa Đông thì xong việc, thật ra vào năm sau Đức Huy trụ trì ở núi nhưng Đức Huy đến đó vào tháng 5 mùa hạ, năm thứ ba tháng hai mùa xuân năm sau, Thừa trực Lang Quốc Tử bác sĩ hoàng phổ ký. Hàn Lâm thị chế phụng nghị đại phu kiêm quốc sử viện tu quán trình bày sách này.

Hàn Lâm thị giảng học sĩ thông phụng đại phu tri chế đồng tu quốc sử tri kinh diên sự trưởng khởi nghiễm in chữ triệu.

Nên Vinh Lộc Đại Phu ngự sử Trung thừa Triệu Thế An, quang lộc đại phu giang nam chư đạo hanh ngự sử đại phu dịch, Thích Đồng A đồng lập bài tựa cổ thanh quy.

Hàn Lâm học sĩ Triều tán đại phu hành tả ty gián tri chế các đồng tu quốc sử phán sử quán sự thượng thụ quốc nam Dương quận khai quốc hầu hưởng lộc 1100 hộ dân, được ban áo kim ngự tím, thay Dương Úc thuật.

Thiên sư Bách trượng Đại Trí, Thiên Tông xuất phát từ thiếu thất đến Tào Khê. Phần nhiều ở luật tự, tuy xếp vào viện riêng nhưng đối với việc nói pháp trụ dtri chưa hợp quy tắc. Cho nên tôi thường lo lắng bèn nói: Đạo của Phật Tổ muốn hoàng bá rộng rãi cho đến đời vị lai không đoạn diệt đâu thể thực hành theo các bộ A-cấp-ma giáo.

Có người nói: Luận Du-già, Kinh Anh Lạc là giới luật Đại thừa, sao không thực hành theo ư?

Sư nói: Tông phái của ta chẳng hạn cuộc ở đại tiểu, cũng chẳng khác đại Tiểu thừa. Mà phải uyển chuyển phán đoán, lập ra quy tắc là việc phải làm, thế nên khởi ý lập riêng thiền cư. Tất cả những bậc đầy đủ đạo nhân có đức đáng tôn kính, gọi là Trưởng lão, như xứ Tây Vực bậc đạo cao lập trưởng thì được xưng hô như Tu-bồ-đề.v.v... tức là Hóa chủ tức là ở nơi Phương Trưởng, đồng với thất của Tịnh Danh, chẳng có phòng ngủ riêng, không lập điện Phật, chỉ xây pháp đường biểu thị cho Phật Tổ thân thuộc được sự tôn trọng của đương đại môn đồ theo học, không kể nhiều ít, không phân cao thấp, khi vào Tăng đường rồi thì sắp xếp theo hạ lạp, đặt giường nối liền, gắn giá treo y bát, đồ dùng khi nằm phải gối đầu và nghiêng hông bên phải, ngủ theo kiểu cát tường. Khi ngồi thiền lâu thì xả thiền an nghỉ mà thôi, phải đủ bốn oai nghi. Trừ lúc vào phòng thưa hỏi người học siêng năng, biếng nhác, hoặc xuống không câu nệ lệ thường. Đại chúng trong viện sáng tham tối nhóm trưởng lão thượng đường thăng tòa chủ sự, đồ chúng phải đứng một bên nghe khách chủ thăm hỏi nhau, trao đời để mở mang tông yếu, dạy họ nương pháp mà trụ. CƠM CHÁO tùy nghi, hai thời phải có mặt đông đủ. Phải giữ tiết kiệm, biểu hiện pháp thực song vận. Hành pháp khắp tỉnh trên dưới đồng lòng, đặt xá thường dùng một người lãnh đạo số đông. Làm việc khiến cho mỗi ban đều có tổ chức. Hoặc có kẻ giả danh trá hình lẫn vào trong chúng thanh tịnh để gây ra nhiều chuyện rắc rối. Thì Duy-na phải xem xét, nêu tên họ rồi đuổi ra khỏi viện, để giữ sự thanh tịnh cho chúng. Nếu có người phạm tội thì dùng gậy đánh, hạp chúng thâm y bát đạo cụ rồi đuổi khỏi thiền môn, để họ tự hổ thẹn, rõ ràng điều này chế ra có bốn lợi ích.

1. Không làm mhiễm ô sanh thanh tịnh, sanh tâm kính tin cho mọi người.
2. Không hủy tướng Tăng, vâng theo lời Phật dạy.
3. Không quấy nhiễu cửa công và bớt đi sự kiện tụng ở trong ngục.
4. Không tiết lộ tông cương của ngoại hộ.

Bốn loại này ở chung thì Thánh phạm làm sao phân biệt. Hơn nữa, lúc Như lai tại thế còn có Lục quần hướng chi ngày nay là mật pháp, đâu được hoàn hảo. Nhưng thấy một vị Tăng có lỗi bèn phơi bày chê trách, thật không biết khinh chúng hoại pháp tổn hại rất lớn, nay trong thiền môn nếu có kẻ làm tổn hại thì phải y theo quy thức thiền lâm của Bách Trưởng mà lường xét phân biệt, lập pháp phòng kẻ gian không phải là hiền sĩ nhưng đâu thể có cách mà không phạm. Không thể phạm

mà không dạy chỉ có Thiền sư Đại Trí lợi ích hộ pháp rất lớn, thiền môn độc hành từ đó trở đi. Đại yếu của Thanh quy tỏ khắp kể hậu học, khiến họ không mất gốc. Các phép tắc khuôn mẫu của ngài trình bày đầy đủ rõ ràng, chỉ mong xét duyệt san định truyền đó mà soạn lời tựa. Ngày lành tháng tốt năm giáp dần đổi niên hiệu cảnh Đức năm thứ hai.

Lời tựa Sùng Ninh Thanh quy:

Luận sư lệ của thiền môn không có hai dạng tỳ-ni, gia phong nạp tử chỉ một khuôn phép. Nếu thọ dụng trong đường thì tự nhiên phong cách thanh cao, nếu xúc chuyên quay mặt vào tường thật gọi là ít người cung kính chiêm ngưỡng. Thế nên cùng mưu cầu khai sĩ, tham bài khắp các nơi, tất cả đều giúp cho việc thấy nghe, thấy đều trình bày đủ trong cương mục. Tham ôi tin tức đã khoét thịt thành vết thương, khuôn phép của Bách Thượng có thể gọi điều mới đặc biệt. Hướng chi Tùng lâm đầy khắp, chuyển kiến không kham, thêm vào đó pháp lệnh càng tỏ thì chuyện xảy ra càng nhiều. Nhưng vì trang nghiêm bảo xã, kiến lập cờ pháp, trong môn Phật sự không thể thiếu một, cũng giống như Bồ-tát có ba tụ, Thanh Văn có bảy thiên đầu phải việc lập pháp quý ở chỗ rườm rà, vì tùy cơ mà lập giáo, kể sơ cơ hậu học mong theo thiện, tham cho rõ ràng, bậc thượng đức cao lưu mong rũ lòng chứng giám.

Ngày 15 tháng tám niên hiệu Sùng sinh năm thứ hai.

Truyền pháp Từ giác Đại sư Tông Ai trụ Thiền viện Thập Phương Hồng Tế phủ Chân Định viết lời tựa.

Lời tựa hàm thuần Thanh quy:

Khuôn phép trong tùng lâm đã tỏ nơi Thiền sư Đại Trí Bách Trượng. Nhưng thời đại đã dần xa. Tùy theo người mà có sự giản tiện, rồi đến sự vâng theo tu tập. Tuy các nơi có khi khác nhau, nhưng cũng chưa hề trái với khuôn phép lớn này. Lúc tôi ở trong chúng, thường thấy bạn bè sao chép Tùng lâm nhật dụng thanh quy, đều có sự thiếu sót. Sau đó, nhân lúc rảnh rỗi xem các bản, xét các chỗ khác nhau để tập hợp lại, đích thân biên soạn lại cho đầy đủ.

Mục đề là tùng lâm hiệu định Thanh quy tổng yếu. Sửa thành quyển thượng hạ để tiện xem xét. Đạo ta có Thanh quy giống như nhà Nho có kinh lễ. Lễ là tùy nghi nhân theo thời mà có tổn ích. Bởi sách này viết tiếp ngài Đại Trí. Đây đều do việc túc đức tiền bối lần lượt giảng cứu kỹ lục kể ngu không dám nêu riêng chỗ thấy nghe mà thêm hay bớt. Như trước gọi là tham cứu chỗ đồng mà gom lại. Để người xem

không phải khó xử. Kết chế hai ngày trước năm Giáp Tuất niên hiệu Hàm Thuần năm thứ mười Tỳ-kheo Hậu Tố duy miễn thư ở hiền ký ngoan.

Lời tựa Chì Đại Thanh quy:

Lễ là Đại kinh ở đầu, mà tiết văn của tình người. Duyên cách tồn ích vì chạy theo thời, cho nên tình người xưa nay nhờ phép tắc của luân lý làm quỹ đạo cho nên mới tồn tại Đại kinh của trời đất. Hơn nữa, bậc Thánh ta lấy Ba-la-đề-mộc-xoa làm thọ mệnh và Bách Trượng Thanh quy cũng xuất phát từ đây. Đây chính là Đại kinh của lễ pháp tông lâm. Nhưng từ cuối đời Đường đến nay khoảng năm trăm năm. Phong tục thay đổi nhiều, nhân tình cũng biến khác thì thuyết duyên cách tồn ích quá đúng rồi. Gần đây, hai tổ Đại Xuyên và Tiểu ông xướng đạo ở núi Nam Bắc. Thanh quy Nhật dụng hưng thịnh ở đương đời. Năm Mậu Dần niên hiệu chí Nguyên, nương Hòa-thượng Thạch Lâm ở Nam Bình. Còn được thấy di phong để lại, và được bạn Vân Minh ở Tây Đường lấy ra bản sao trong tạng, nghiên cứu tâm thừa hỏi biên tập thành bản. Sách này bắt đầu viết ra thì có vị cho rằng việc thọ giới của tăng làm đầu. Có vị cho rằng trụ trì nhập viện là trên hết, đến năm Nhâm Ngọ theo Tiên sư Giác Am ở thừa thiên, sớm tối thừa hỏi. Vì được hai nghi giảng dẫn, chúc Thánh Như lai làm đầu. Các môn còn lại phân loại rồi sửa thành mười quyển nhưng vẫn chưa dám truyền cho người học. Vào năm Bính Tuất, Hạ Lưu Tuyết Bảo, Thiên phong uyển ở Tây đường nói rõ thêm sách này. Vào mùa xuân năm Đinh Hợi Hòa-thượng Khê Tây Trạch đình chính lại chỗ lẫn lộn được tổ tưởng sự thấy nghe mà còn lấy việc chưa đích thân thực hành làm hổ thẹn. Mùa Hạ năm Nhâm Thìn thủ chúng Song Kinh, trong buổi tiểu tham có sự cạnh tranh về ngôi vị cao thấp, các nơi thường bỏ qua không nêu lên. Ngu từ Tây đường hễ ra thì Thủ tọa lại ra, đô tự ra thứ ba, hậu đường ra thứ tư. Tạng chủ, Duy-na, Tri khách, Thị giả tùy theo chức mà ngồi, xin người bác là Vân phong cố gắng thực hành. Xong việc không dám ồn ào. Năm Ất mùi niên hiệu nguyên trình làm bị viên vĩnh gia thiên ninh. Đại đức năm Canh Tý bổ nhiệm ở Vĩnh Phúc phan Dương. Năm Ất tỵ làm chủ đông lâm ở lô sơn. Điều thực hành không dễ ngộ hầu nhân tình được chiết trung. Nhưng xem Thanh quy thời xưa không mấy rườm rà, bởi do phù thể cổ không thể làm được chuông lớn để đoán được tuổi tác. Uống ly rượu đỡ không thể thí ngày cho biên la hy tượng.

Gọi là Thiên Lâm Bị dụng Thanh quy, nghĩa là đầy đủ mà không

dùng, biết lỗi của tôi thì biết tuổi tôi. Mùa Thu năm Tân Hợi niên hiệu Chí Đại. Đông Lâm ở Lô Sơn, Nhất Hàm kính ghi.

Lời tựa sắc tu bách trượng Thanh quy:

Khoảng niên hiệu Thiên Lịch, Chí Thuận, Văn Tông hoàng đế xây chùa Đại Long Tường Tập Khánh ở Kim Lăng. Chùa xây xong thì để cho mười phương Tăng ở, có điều chỉ phải thực hành Bách Trượng Thanh quy. Tháng bảy mùa Thu năm Ất Hợi, niên hiệu nguyên thống thứ ba. Kim thượng hoàng đế đích thân thượng triều ra chỉ lệnh. Mấy năm gần đây Thanh quy tông lâm thêm bớt không thống nhất. Cho nên đặc biệt ban sắc cho trụ trì Đức Huy ở chùa Thiên Thọ Khánh Đại Trí núi Bách Trượng biên tập lại. Sách ấy giao cho Đại Tổ trụ trì chùa Đại Long Tường Tập Khánh chọn vị Sa-môn nào có học thức cùng hiệu đính lại. Mong được quy nhất khiến vâng hành làm thường pháp. Đức Huy kính cẩn phụng mệnh. Lúc sách sắp xong, chúc huyền soạn lời tựa. Huyền có nghe các sư nói: Trong khoảng trời đất không có việc nào không có lẽ nhạc, An định chỗ ở là lẽ, ưa thích chỗ thường dùng hằng ngày là Nhạc. Tiên sinh Tình Minh Đạo một hôm qua chùa Định Lâm, tình cờ nhìn thấy nghi thức trai đường. Hốt nhiên khen rằng: Ba đời lẽ nhạc ở hết đây rồi, há chẳng phải uy lực của giềng mối Thanh quy hay sao? Cho rằng phụng hành thuần phục nên có thể như vậy, vâng hành theo pháp ấy là lẽ đường nhiên. Nhưng diệu hạnh tự nhiên ở trong đây mà người không biết lại cho rằng nó là chướng lý sự. Nhưng người biết thì cho rằng pháp môn an vui chính là ở đây. Nhưng khiến cho sách này đồ sộ mà không hỗn tạp, thì có tựa và ý hài hòa. Lâu dần sẽ sâu kín, cho nên công lao hiệu đính có ích rất lớn đối với sách này. Mà ý chí của người học ở hai triều Gia Huệ hợp nhau vô cùng. Hạnh Thanh quy đời Tống, Dương Văn Công ức viết trọn đầu đuôi, điều mục rõ ràng, ở đây không nêu ra lại, thượng tuần tháng ba mùa xuân năm Bính Tý niên hiệu Chí nguyên thứ hai.

Hàn lâm trực học sĩ trung đại phu Tri chế cáo đồng Tu quốc sử quốc tử Tế Tửu Lô Lăng Âu Dương Huyền thuật Bách Trượng Thanh quy vẫn còn lưu hành ở đời.

Từ đời Đường đến nay nhiều đời phong tục đổi thay nên lẽ cũng theo đó mà không tránh khỏi sự tổn ích. Thường thường các bộ được trích dẫn lẫn lộn chẳng biết đâu mà theo, học giả hoang mang. Một ngày nọ, Thiên sư nhất sơn vạn dẫn lời đầu sách của tiên sư Vân ông cùng nhau san định hiệu đính lập thành điển chương một thời. Không

biết sao ba Ngài lần lượt qua đời. Với sức mọn thâm muốn kế tiếp ý nguyện của Ngài nhưng chưa thể thực hiện được. Sau này tình cờ nhận được Thanh quy Bách Trượng. Hội hành xin thêm tên thụy của Tổ sư, chưa báo được nên đến cung điện trình lên vua ngự sử Trung Thừa Tấn Dịch dẫn lên tiếp kiến vua. Khi gặp vua, Ngài đem lý do muốn chỉnh sửa Thanh quy trình lên vua. Nhân đó được sắc chỉ biên tập lại. Sai tấu ấn hiệu đính rồi ban cho ngọc tử (ấn vua) để ban hành. Khi thọ nhận sau vẫn không tìm thấy bản đầu. Chỉ có Chân định tích công ở niên hiệu Sùng Ninh đời Tống và Kim Hoa Miễn công ở niên hiệu Hàm thuần Hàm Công ở Đông Lâm sưu tập lại để chọn. Thế là cùng hội họp lại những bản dị đồng để lần lượt giải thích, chỗ rườm rà thì cắt gọt bớt, chỗ lầm lẫn thì sửa lại, chỗ thiếu thì thêm vào. Đều có sự được mất song song. Trong đó trích chú sớ để tiện tham cứu. Hoàn toàn không lấy vọng kiến riêng của mình để định lấy, sưu tập lại của Tẩu ấn, kỷ định thành chín chương.

Đầu chương có lời tựa ngắn, nói về đại ý của chương, chia làm hai quyển để tiện cho người xem được mạch lạc rõ ràng. Ngõ đầu làm sáng tỏ ý nguyện truyền pháp của Tổ sư ta, để vâng hành theo và làm cho hưng thịnh. Nói về kẻ học thức cạn cợt đâu đủ khả năng để phán xét. Soạn lại bộ Thanh quy mới chẳng qua nhờ người thành sự. May thay đã hoàn tất, chỉ mong người học không hoang mang mà thôi. Nếu nói lập điển chương một đời thì người ngu chẳng thể biết được. Có người nói ông miệt mài với sách mà chắc có tâm đối với tôn giáo, mới chế chung chiếu cáo rộng rãi trong quốc gia ngày nay luật pháp còn chưa thực hành được mà hành Thanh quy ư lắm. Vì thế nói như vậy nhưng cũng không hề phế bỏ sách này. Còn người nắm giữ luật pháp cố gắng thi hành thì thế nào. Phật Tổ chế giới luật, lập Thanh quy dùng lẫn nhau, khiến cho Tỳ-kheo v.v.. ngoại cách chẳng hoàng đạo bên trong, tuy trăm ngàn nhóm họp lại ở chung một đường ngồi cùng pháp tịch ăn ngủ chung một nhà. Nhưng hiển nhiên thành nề nếp không lẫn lộn như thói đời, không trái hiến pháp quốc gia, bỏ bê luật vua. Chế chung phép tắc ni hành ở đó mà đạt được đây, thì sao gạo là quanh co, có người cảm tạ rồi lui, cho nên cùng thức tỉnh ở đây để báo cho chúng ta biết phải cố gắng thêm. Tống Dương Văn Công soạn lời tựa Thanh quy cổ cùng ba ngài soạn tập từ lời tựa đều là phụ soạn.

Tháng ba mùa Xuân năm Mậu Dần niên hiệu Chí Nguyên, Tỳ-kheo Đức Huy ở Đông Dương kính ghi.

Sắc tu bách trượng Thanh quy

LỜI BẠT THÊM VÀO HIỆU TỐ

Thiền sư Bách Trượng Đại Trí Chiếu Giác phong thêm hiệu của ngài là Hoàng Tông Diệu Hạnh. Ngọc tử vừa thông cáo niên hiệu Chí Nguyên thứ hai năm bính tý, nay là ngày tiếp nhận đặc ân của Hoàng đế. Trước là có chỉ ban xuống bảo hành theo Bách Trượng Thanh quy rồi ban thêm hiệu cho Thiền sư, nên có cáo lệnh này, Triều đình bàn bạc vừa mới giáng chế từ. Lúc ấy huyền bị nêu từ lâm làm Trục học sĩ, chính thức phụng hành điển thư. Một hôm, Trụ trì Đức Huy ở núi này được quốc tử Tiến sĩ Hoàng phổ đến thăm. Xin viết lời mở đầu cho bộ Thanh quy, y theo sự tích của Bách Trượng, Đức Huy kể lại đầy đủ, do đó ngài có lời đề nghị khen ngợi sách này, ý muốn đích thân thấy thuộc Huyền đáp rằng: Muôn một phải viết đúng như lời sư đã nói ngày xưa, mới được vượng thành. Sau cách sử văn không như thế thì trải qua 12 năm. Huyền cáo lão về ở nhà. Đức Huy từ Bách trượng thăm dò khắp trong núi dấu ngọc tử vua ban, xem quyển lục chữ Hán, nhờ người biết việc này khắc vào bia đá. Hồng duy thiên triều tôn tả họ thích thầy trò nhiều đời, ban Hiệu không đồng nhất. Như bốn chữ Hoàng Tông Diệu Hạnh chỉ có Thiền sư không hổ danh xưng, kẻ Thích tử mới vào môn thiết yếu. Ở môn giới, định, tuệ đó là cương lĩnh. Thiền sư nghiên tâm tâm pháp của bậc Thánh xưa, rõ ràng lấy một chữ kính dạy cho học trò mình, vận trí rộng lớn đối với công phu sâu kín. Tri hành đều tiến thể dụng gồm đủ thắm khắp muôn loài. Thầy khuôn mẫu cho thiên hạ. Thanh quy trong ngoài truyền khắp vô phương, gọi là mở tông diệu hạnh, quả thật khắng khít nhau, đức huy vốn xuất thân từ tông Lâm Tế nhưng lấy việc gánh vác làm chí nguyện, lấy việc hiển dương làm sự nghiệp, từ đầu tới cuối là việc này. Trên biển ơn vua, dưới biển dương tông phong là bậc hiệu tử trung thân của thiền môn. Có người nói nếu vậy đâu còn lo gì nữa. Đầu tháng sáu năm Đinh Hợi niên hiệu Chí Chánh thứ bảy Tiền hàn lâm Học sĩ thừa chỉ Vinh Lộc Đại phu tri chế cáo gồm du quốc sử Âu Dương huyền chấp tay cúi đầu kính ghi.

Thư của Thiền sư Nhất Sơn:

Phương lễ chín lạy, rồi tiến về trước Trí giả đường thượng, Hòa-thượng Vân ông lão sư huynh. Phương từ sau khi cởi áo từ quan, phúc nham lục ông quá bận rộn, chẳng thể sắp xếp thời gian để đến lễ bái, rất mong nhớ ở nơi có rượu quý, văn hay và quả ngon, nỗi lòng đầy băn khoăn khắc khoải. Khi nhận thức đã là tổn hại đến sự chế tác của Tề tướng công. Cùng với nhai tác và hùng tác, tròn trĩnh như viên ngọc

châu lấp lánh. Tầm thương mà như núi cao sông sâu, kể suy đốn không mong tìm tới được. Vén vật áo danh tiếng ở đời, ôm khí vật bình hồ. Tinh nghiêm mật luyện ở trong đạo này. Thốt ra lời nói không hề mang vẻ gọt giũa, dong xe về phương Nam, chu du khắp nơi mà tỏ rõ, xem xét muôn vật mà chẳng mê việc giữ nhà, tu thân, trị quốc, bình thiên hạ, đều thành thạo mọi việc một ngày chín dặm, cỡi ngựa để đợi, từng dưỡng có thể rút ra để xin dùm cho lệnh trọng. Phương ở đây hơn một năm, mọi việc khó khăn đều nhẫn chịu, gặp năm hạn mất mùa. Ở trong này còn đỡ hơn chốn kia, chỉ xin được một vài tấc đất và gỗ, như trung lưu mất tay chèo, canh cảnh không an lòng, ốm yếu từ cuối hạ đầu thu, đến nay vẫn chưa khỏe hẳn. Pháp huynh tôi tuổi cao về tĩnh dưỡng đủ để chiêm ngưỡng di tích cao khiết của hiện nay, đáng hổ thẹn. Hai năm trước, Bách trượng hối cơ có lần gọi đến bản Thanh quy cũ trong đó. Xem xét kỹ phát hiện có nhiều chỗ sai lầm rất lớn. Việc rút gọn cùng tu chỉnh trái nhau, so với lời này lại không bình nhan tuyển soạn, rộng hẹp nhiều chỗ chưa thích hợp, kể ngu sơ cơ lập luận, lấy chúc thọ làm đầu. Như giám Tự thư trạng v.v... đặt ra chức vị, nhuận sắc nguyên văn của Đại Trí, dùng chữ nhỏ chú giải Thạch song Nam thư ký bản mặt ở phía sau. Như đây đem trách công việc trong từng lâm đã có từ trước. Đại khái trong quy cổ, Văn đời Đường phần nhiều là đối ngẫu nên phải dịch rõ hết, tấu lên vua để in ấn làm điển chương cho cả thời đại, hối cơ hội ước sẽ ngăn tôi khóc huynh đến kháng tướng và liệu ký, nay thời thế như vậy, từ đâu gắng chí. Bậc cao kiến cho là thế nào. Viết hai câu kệ trong sách không dám đối đáp, dường như hay lắm nhưng trí hiểu biết còn thấp kém. Mong rằng thọ hộ thức nhanh chóng xét soi, cầu nguyện không ngừng phương lễ chín lạ, lại gian của cảm thuần. Nam bình nhất thời thắng tập, huynh nhất sơn và tiểu đệ đầu có hai người, cùng huynh Vân ốc tham ngữ, không thấy ba hình, là chuyện xưa. Một hôm, rút ngắn năm mươi năm thành một nháy mắt. Mộng ư? Chẳng phải mộng, lúc này ngọc dựng lên các đỉnh sau hận tuyết ở Tây hồ. Cảnh xưa rõ ràng, hai huynh sáng suốt bay động, chỗ ánh sáng mặt trời kích tạ, là cảnh chẳng? Chẳng phải cảnh đứng đợi hồi lâu chỉ có người sau chết, khiến lòng u buồn không dứt, muốn đem Thanh quy cũ san định lại, đặt thành điển chương, nay ai đồng tâm? Ngày mồng mười tháng 12, niên hiệu Diên Hựu năm đầu.

Dong song tuyết tề, nam bình tiểu đệ.

Nguyên Hi kính ghi.

Ba vị tôn túc ở niên hiệu hàm thuần thì nhất sơn, Hối cơ đều là

bậc thầy đáng kính của tôi. Nhưng không biết về Vân Thất Ông, đến khi đọc quyển Cảnh Lục đường thi của Ngài mới hiểu được nét thâm thúy của Vân Thất. Ba lão túc đều muốn tu Thanh quy lập thành điển chương cho cả thời đại. Mà môn đồ của các ngài phải kế thừa để hoàn thành, thì thấy quyền thao thế của ngài mà biết được công cụ duy thế, là không sánh bằng, há không hổ thẹn ư? Mùa Đông năm bính thìn nhân chuyến tham quan chùa cổ của trí giả nhìn thấy như vậy mà lòng cảm động nên đề ở sau.

Xả bốn.